

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HS - ST

Ngày: 02/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nuôi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Xuân Niên

2. Bà: Trần Thị Ngọc Diệp

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST – HS ngày 10 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2018/QĐXXST – HS ngày 22 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo.

1. Nguyễn Văn T; sinh năm 1979 tại huyện K, tỉnh H, nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị L, bị cáo có vợ là Mai Thị T cùng trú tại: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Q, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: Không; tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31 tháng 5 đến ngày 05 tháng 6 năm 2018 được tại ngoại đến nay ngày 02 tháng 11 năm 2018 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. A N; tên gọi khác: H; sinh năm 1985 tại huyện K, tỉnh K, nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện K, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A N và bà Y M cùng trú tại: Thôn K, xã M, huyện K, tỉnh K, bị cáo có vợ tên Y H; trú tại: Thôn K, xã H, huyện K, tỉnh Ko, bị cáo có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án: Không; tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31 tháng 5 đến ngày 05 tháng 6 năm 2018 được tại ngoại đến nay ngày 02 tháng 11 năm 2018 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại:

+ A P; sinh năm 2000 (đã chết); người đại diện hợp pháp: A Đ; sinh năm 1983; Y N; sinh năm 1983; cùng trú tại: Thôn K, xã H, huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

+ A L; sinh năm 2001 (đã chết); người đại diện hợp pháp: A G; sinh năm 1977; Y T; sinh năm 1982; cùng trú tại: Thôn K, xã H, huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Phạm Văn T; sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Q (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người phiên dịch:** Bà Đinh Thị H; nơi công tác: Hội Liên hiệp phụ nữ xã H, huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 24/4/2018 Nguyễn Văn T cùng một số người như Phạm Thị G, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Đinh Ngọc H đều trú tại xã B, huyện B, tỉnh Q điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 76C – 066.74 đi chở cây keo tại rẫy của ông A L thuộc thôn K, xã H, huyện K, tỉnh K. Tại đây khi chất gỗ keo lên xe ô tô, xe nổ máy đi được một đoạn thì bị mắc lầy, T đến nhà ông Nguyễn Văn Đ; trú tại: Thôn K, xã H, huyện K để nhờ ông Đ gọi người kéo ô tô đang bị mắc lầy, lúc này ông Đ biết A N là người cùng thôn có máy cày nên Nguyễn Văn Đ xuống gọi A N đi kéo ô tô cho T đang mắc lầy tại rẫy nhà ông A L, A N đồng ý và lái máy cày từ nhà đi đến chỗ xe ô tô đang bị mắc lầy. Khi tới nơi A N dùng xe máy cày ngang đường liên thôn K, xả dây cáp tời trước đầu xe, T kéo dây cáp lên chỗ ô tô đang đậu rồi móc dây cáp vào đầu xe ô tô để kéo, cùng lúc này có Phạm Văn S, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Thị G đang đứng dưới đường gần máy cày để xem A N nổ máy cày kéo xe ô tô, còn Đinh Ngọc H đứng ở trên ô tô đang bị mắc lầy. T nói với A N khi nào T hô kéo thì A N kéo khi nào hô dừng thì A N dừng. Khi T nói A N nổ máy cày để kéo xe ô tô, đồng thời T nổ máy xe ô tô để cùng thực hiện việc kéo xe, khi ô tô đi được khoảng 10 mét thì ô tô bị lún, lúc này T hô A N dừng kéo để T cùng Đinh Ngọc H đào đất nơi bánh xe bị lún, khi đó dây cáp móc vào xe ô tô vẫn đang được kéo căng qua đường liên thôn. Cùng lúc này A K; sinh năm 1998 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 82L1- 022.16 chở A T; sinh năm 1997; cùng trú tại: Thôn K, xã H, huyện K đi dọn lòng hồ Đăk Ré trên đường đi về nhà, khi đi đến chỗ máy cày đang dừng, A N ngồi trên xe cùng mọi người đứng gần đó hô to,

đồng thời A N ra hiệu bằng tay chỉ vào dây cáp. A K và A T phát hiện dây cáp đang kéo căng ngang qua đường cả hai cúi đầu xuống đi qua, đi sau khoảng 20 mét là A P; sinh năm 2000 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 82L1- 025.55 chở theo A L; sinh năm 2001 cùng trú tại: Thôn K, xã H, huyện K, khi phát hiện ra A P và A L thì A N đang ngồi trên máy cày và mọi người đứng gần máy cày hô to, A N ra hiệu bằng tay chỉ vào dây cáp báo hiệu cho A P và A L biết có dây cáp kéo căng ngang đường, nhưng do A P điều khiển xe mô tô với tốc độ nhanh, không quan sát nên A P không phát hiện được sợi dây cáp đang kéo ngang đường. Do đó A P lao vào dây cáp, hậu quả cổ của A P bị dây cáp cắt gần đứt cổ, A L bị ngã xuống đường gãy đốt sống cổ C2 - C3 làm cả hai tử vong tại chỗ. Sau khi nghe tiếng va chạm T đang đào đất cùng Đinh Ngọc H ở bánh xe bị lún ngẩng đầu lên xem thấy hai người và xe mô tô đang nằm trên mặt đường, T và A N đến xem thấy một người có vết đứt gần lìa cổ, máu chảy ra nhiều, người còn lại có vết bầm ở cổ nằm bất động. Lúc này T và A N thấy cả hai đều đã chết, A N hỏi T “*Bây giờ sao anh*”, T nói “*Mày lái máy cày về nhà đi*”, cùng lúc này T đi lên xe ô tô tháo dây cáp tời ở đầu xe ô tô ra để A N cuốn cáp vào lại xe máy cày và lái máy cày về nhà. Còn T nổ máy xe ô tô đổ hết toàn bộ số cây keo ở trên xe xuống rồi lái xe ô tô về nhà và đến Công an huyện K trình báo sự việc trong đêm.

Hiện trường vụ án thể hiện: Hướng khám nghiệm hiện trường xác định theo hướng Đông sang Tây (hướng đi của A P, A L). Vị trí xảy ra tai nạn tại đường liên thôn thuộc thôn K, xã H, huyện K, tỉnh K đi thủy điện Đăk Ré, cách cầu treo vào thôn K, xã H 350 mét về hướng Đông, mặt đường đất, trên mặt đường có rải lớp đá mặt, lòng đường rộng 6,30 mét, đầu máy cày hướng ra giữa đường, cách mép bên phải 3,80 mét, dây cáp từ đầu xe máy cày đến đầu xe ô tô tải kéo căng là 28 mét. Điểm đụng giữa cổ của nạn nhân A P và dây cáp có chiều cao 1,30 mét, cách trực trước máy cày 3,9 mét, cách mép đường bên phải 0,9 mét, cách xe ô tô 25,1 mét. Điểm đụng cách nạn nhân A P là 4 mét, cách lề phải 1,1 mét, điểm đụng cách nạn nhân A L 7,9 mét cách lề phải 1,6 mét, điểm đụng cách xe mô tô Biển kiểm soát 82 L1 – 025.55 là 16 mét, cách lề phải 2,6 mét, từ điểm đụng cách điểm cố định đầu cầu treo thôn K là 350 mét.

Tại bản giám định pháp y về tử thi số: 55, 56/TT – TTPY ngày 25 tháng 4 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum kết luận nguyên nhân chết của A P do vết thương đứt lìa cổ, nguyên nhân chết của A L do gãy đốt sống cổ C2 – C3.

Kết luận định giá số: 08/KL – HĐĐG ngày 26/6/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận thiệt hại của xe mô tô Biển kiểm soát 82L1- 025.55 là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 05/CT - VKS ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, A N về tội “*Cản trở giao thông đường bộ*” theo điểm b khoản 2 Điều 261 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 261; điểm b, s khoản

1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 27 (Hai mươi bảy) đến 30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo A N từ 24 (Hai mươi bốn) đến 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo A N đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của người bị hại A P và A L mỗi gia đình là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), riêng người đại diện hợp pháp của người bị hại A P thì các bị cáo đã bồi thường thêm 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là tiền để sửa chữa xe mô tô Biển kiểm soát 82L1 – 025.55.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã xác định và trao trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, công nhận quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Cản trở giao thông đường bộ*” theo điểm b khoản 2 Điều 261 của Bộ luật hình sự là đúng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét hoàn cảnh, nhân thân của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn T, A N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở khẳng định: Vụ tai nạn giao thông xảy ra vào chiều ngày 24/4/2018 trên đường liên thôn thuộc thôn K, xã H, huyện K, tỉnh K đi thủy điện Đăk Ré gây hậu quả làm chết 02 người là do Nguyễn Văn T, A N gây ra, tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo về tội “*Cản trở giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 261 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định: Các bị cáo dùng xe máy cày xả dây cáp căng qua đường để kéo xe ô tô mà không tiến hành cảnh báo tín hiệu hai bên đầu đường để cảnh báo cho người tham gia giao thông biết, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng tin rằng đường vắng không có người qua lại nên không tiến hành cảnh báo hai bên đầu đường để mặc hậu quả xảy ra, các bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, xét tính chất, mức độ của hành vi mà các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn làm chết 02 người, gây hậu quả rất nghiêm trọng. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[4]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi phạm tội các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, sau khi tai nạn xảy ra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, gia đình người bị hại (A P, A L) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tai nạn xảy ra có một phần lỗi của người bị hại A P là điều khiển phương tiện giao thông nhưng chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Bị cáo T sau khi phạm tội đã ra đầu thú tại Cơ quan Công an. Vì vậy cần chấp nhận lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự làm căn cứ quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội với lỗi vô ý, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định có nhiều tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số: 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho các bị cáo được hưởng án treo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án vẫn đảm bảo việc giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

[5]. Xe mô tô Biển kiểm soát số 82 L1 – 025.55 do A Phó điều khiển thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Y N, tuy nhiên Y N không biết việc A P lấy xe mô tô đi gây tai nạn nên không có đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm đối với Y N về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”

[6]. Đối với hành vi của A P điều khiển xe mô tô không đủ điều kiện tham gia giao thông khi chưa có giấy phép lái xe theo quy định chở A L chạy với tốc độ nhanh, không quan sát nên va vào dây cáp hậu quả cả hai đều tử vong, hành vi trên của A P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại Điều 261 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên A P đã chết nên

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Gia đình người bị hại A L không yêu cầu gia đình A P phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng:

Xe ô tô Biển kiểm soát 76C- 066.74 do Nguyễn Văn T điều khiển thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Phạm Văn T, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Phạm Văn T là đúng quy định của pháp luật.

Xe máy cày không Biển kiểm soát nhãn hiệu ISEKI, số máy 750743, số khung TA 12F02866 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của A N, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho A N là đúng quy định của pháp luật.

Xe mô tô Biển kiểm soát số 82 L1 – 025.55 do A Phó điều khiển thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Y N, trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Y Nhân là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Văn T, A N và đại diện hợp pháp của người bị hại A P, A L đã thỏa thuận bồi thường cho mỗi gia đình số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), riêng người đại diện hợp pháp của người bị hại A P thì các bị cáo đã bồi thường thêm 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là tiền để sửa chữa xe mô tô Biển kiểm soát 82L1 – 025.55, đại diện hợp pháp của người bị hại A P, A L đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và A N; tên gọi khác; H phạm tội “*Cản trở giao thông đường bộ*”

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 261; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (Năm mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo A N; tên gọi khác; H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí:

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn T, A N phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nuôi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

1. Lê Xuân Niên

2. Trần Thị Ngọc Diệp

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum
- VKS huyện Kon Plông;
- Công an huyện huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện KonPlông
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nuôi